

DỰ THẢO LẦN 2

LUẬT

ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Địa chất và Khoáng sản.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định việc điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; thăm dò, khai thác khoáng sản; quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khoáng sản là dầu khí; các loại nước thiên nhiên khác không phải là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; tổ chức, cá nhân hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

2. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài nguyên địa chất là các dạng vật chất hình thành từ các quá trình địa chất, tồn tại trong hoặc trên bề mặt Trái đất mà con người có thể khai thác, sử dụng, bao gồm: tài nguyên khoáng sản, di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên địa nhiệt, cấu trúc địa chất tàng trữ, không gian lòng đất, tài nguyên địa chất tái tạo.

2. Tài nguyên địa chất tái tạo bao gồm tài nguyên gió, sóng, thủy triều và tài nguyên bức xạ mặt trời.

3. Tài nguyên địa nhiệt là các cấu trúc địa chất có dị thường về nhiệt độ có thể thăm dò, khai thác, sử dụng.

4. Di chỉ địa chất là tập hợp các dấu hiệu, đặc điểm của hoạt động địa chất có giá trị nổi bật về khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế ở một khu vực xác định trên mặt hoặc trong lòng đất được phát hiện và ghi nhận trong quá trình điều tra địa chất.

5. Di sản địa chất là thành tạo địa chất đặc biệt không tái tạo được hình thành, phát triển và lưu lại do các quá trình địa chất nội, ngoại sinh, nhân sinh có giá trị nổi bật về khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế, được công nhận, xếp hạng theo quy định của pháp luật.

6. Tai biến địa chất là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về môi trường, con người, tài sản, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, gồm: động đất, hoạt động núi lửa, đứt gãy hoạt động, trượt lở đất đá, sụt lún bề mặt; nứt đất; xói lở bờ sông, bờ biển; ô nhiễm từ khoáng vật, nguyên tố độc hại có nguồn gốc tự nhiên.

7. Điều tra cơ bản địa chất là hoạt động nghiên cứu, điều tra cơ bản về cấu trúc, thành phần vật chất, lịch sử phát sinh, phát triển vỏ Trái đất, các điều kiện địa chất, quá trình địa chất và quy luật sinh khoáng nhằm đánh giá tiềm năng tài nguyên địa chất, các tác động của quá trình địa chất đến kinh tế xã hội và con người làm căn cứ khoa học cho việc định hướng hoạt động bảo vệ, quản lý tài nguyên địa chất.

8. Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản là việc xác định quy mô, số lượng, chất lượng từng loại, nhóm khoáng sản theo cấu trúc địa chất có triển vọng trên cơ sở điều tra cơ bản địa chất, làm căn cứ khoa học cho việc định hướng hoạt động thăm dò khoáng sản.

9. Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản là quy hoạch ngành quốc gia, cụ thể hoá quy hoạch tổng thể quốc gia trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học nhằm phân bổ và khoanh vùng điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương.

10. Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ.

11. Khoáng sản đi kèm là khoáng sản có thể khai thác cùng với khoáng sản chính và có hiệu quả kinh tế.

12. Nước nóng thiên nhiên là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ trên mặt đất, luôn có nhiệt độ tại nguồn đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.

13. Nước khoáng là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ trên mặt đất, có

thành phần, tính chất và một số hợp chất có hoạt tính sinh học đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.

14. Hoạt động khoáng sản bao gồm hoạt động thăm dò khoáng sản, hoạt động khai thác khoáng sản.

15. Thăm dò khoáng sản là hoạt động nhằm xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản và các thông tin khác phục vụ khai thác khoáng sản.

16. Khai thác khoáng sản là hoạt động nhằm thu hồi khoáng sản, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, kể cả các hoạt động phân loại, làm giàu khoáng sản nguyên khai và các hoạt động khác có liên quan trong cùng dự án khai thác khoáng sản.

17. Khoáng sản độc hại là loại khoáng sản có chứa một trong các nguyên tố Uran, Thori, Thủy ngân, Arsen, Chì, nhóm khoáng vật Asbet mà khi khai thác, sử dụng, lưu giữ phát tán ra môi trường những chất phóng xạ hoặc độc hại vượt mức quy định của quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về địa chất, khoáng sản

1. Nhà nước có chiến lược, quy hoạch về địa chất, khoáng sản để phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ.

2. Nhà nước bảo đảm tài nguyên địa chất, khoáng sản được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Nhà nước đầu tư và tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản theo chiến lược, quy hoạch về địa chất, khoáng sản; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ trong công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hợp tác với các tổ chức chuyên ngành địa chất của Nhà nước để điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

5. Nhà nước đầu tư và tổ chức thực hiện thăm dò, khai thác một số loại khoáng sản chiến lược, quan trọng để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo từng thời kỳ.

6. Nhà nước khuyến khích dự án đầu tư khai thác khoáng sản gắn với chế biến, sử dụng khoáng sản để làm ra sản phẩm kim loại, hợp kim hoặc các sản phẩm khác có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội.

7. Nhà nước có chính sách dự trữ tài nguyên khoáng sản, xuất khẩu khoáng sản trong từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên nguyên tắc ưu tiên bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong nước.

8. Nguồn thu từ khoáng sản được điều tiết hợp lý cho phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng kỹ thuật đối với địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác.

9. Thông tin, dữ liệu, mẫu vật trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phải được quản lý thống nhất, tích hợp và sử dụng đúng mục đích.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động địa chất, khoáng sản

1. Hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Thực hiện tuân tự từ sơ bộ đến chi tiết, từ bề mặt đến dưới sâu;
- b) Đảm bảo tính kế thừa, không trùng lặp;
- c) Các phương pháp kỹ thuật điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phải bảo đảm phù hợp với đối tượng địa chất, tài nguyên địa chất; mục tiêu, nhiệm vụ điều tra; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật;
- d) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, phòng chống tai biến địa chất.

2. Hoạt động khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch khoáng sản, gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- b) Chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- c) Thăm dò khoáng sản phải đánh giá đầy đủ trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản có trong khu vực thăm dò;
- d) Khai thác khoáng sản phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa khoáng sản;
- đ) Ưu tiên tổ chức, cá nhân đang khai thác hợp pháp được thăm dò xuống sâu và mở rộng để đánh giá đầy đủ, không chể hêt thân khoáng sản và các cấu trúc địa chất có triển vọng đối với loại khoáng sản được cấp phép mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 6. Quyền lợi của địa phương và cộng đồng dân cư nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác

1. Địa phương nơi có khoáng sản được khai thác được Nhà nước điều tiết

khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm:

a) Hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật;

b) Kết hợp khai thác với xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ, phục hồi môi trường theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản; nếu gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác thì tùy theo mức độ thiệt hại phải có trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật;

c) Ưu tiên sử dụng lao động địa phương vào khai thác khoáng sản và các dịch vụ có liên quan;

d) Cùng với chính quyền địa phương bảo đảm việc chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân có đất bị thu hồi để khai thác khoáng sản.

3. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác có liên quan.

4. Cộng đồng dân cư nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản thông qua tổ chức đại diện của mình có quyền:

a) Tham gia góp ý về biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường;

b) Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản nếu phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm;

c) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất, khoáng sản cung cấp hòm thư điện tử, số điện thoại hoặc địa chỉ tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản và góp ý, đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản.

Điều 7. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường

Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường bao gồm:

1. Cát các loại (trừ cát trắng silic) không đạt tiêu chuẩn cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng, không có hoặc có các khoáng vật cansiterit, volframit, monazit, ziricon, ilmenit, vàng đi kèm nhưng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Đất sét làm gạch, ngói theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, các loại sét (trừ sét bentonit, sét kaolin) không đủ tiêu chuẩn sản xuất gốm xây dựng, vật liệu chịu lửa samot, xi măng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

3. Các loại đất sét san lấp, đất đồi, đất san lấp; đất, đá thải của mỏ hoặc đất, sét có tên gọi khác (sau đây gọi chung là vật liệu san lấp) nhưng không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cuội, sỏi, sạn không chứa vàng, platin, đá quý và đá bán quý; đá ong không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại.

5. Đá cát kết, đá quarzit không đạt tiêu chuẩn làm phụ gia cho các ngành sản xuất, không chứa hoặc có chứa các khoáng vật kim loại, kim loại tự sinh, nguyên tố xạ, hiếm nhưng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc không đủ tiêu chuẩn làm đá ốp lát, đá mỹ nghệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

6. Đá trầm tích các loại (trừ diatomit, bentonit, đá chứa keramzit), đá magma (trừ đá syenit nephelin, bazan dạng cột hoặc dạng bọt), đá biến chất (trừ đá phiến mica giàu vermiculit) không chứa hoặc có chứa các khoáng vật kim loại, kim loại tự sinh, đá quý, đá bán quý và các nguyên tố xạ, hiếm nhưng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, không đủ tiêu chuẩn làm đá ốp lát, đá mỹ nghệ, nguyên liệu kỹ thuật felspat sản xuất sản phẩm gốm xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

7. Đá phiến các loại, trừ đá phiến lợp, đá phiến cháy và đá phiến có chứa khoáng vật disten hoặc silimanit có hàm lượng lớn hơn 30%.

8. Đá vôi, sét vôi, đá hoa (trừ nhũ đá vôi, đá vôi trắng và đá hoa trắng) không đủ tiêu chuẩn làm nguyên liệu sản xuất xi măng pooc lăng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc không đủ tiêu chuẩn làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát, đá mỹ nghệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

9. Đá dolomit, đá vôi dolomit không đủ tiêu chuẩn sản xuất vôi công nghiệp, làm phụ gia cho ngành hóa chất, luyện kim, nguyên liệu sản xuất đá ốp lát, đá mỹ nghệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

Điều 8. Những hành vi bị cấm

1. Lợi dụng điều tra địa chất, khoáng sản; hoạt động khoáng sản xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Lợi dụng hoạt động điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản để khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản.

3. Thực hiện điều tra địa chất, khoáng sản và hoạt động khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Cung cấp trái pháp luật thông tin, dữ liệu điều tra địa chất, khoáng sản thuộc bí mật nhà nước.

5. Cản trở trái pháp luật hoạt động điều tra địa chất, khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

6. Cố ý hủy hoại mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị, quý hiếm.
7. Mang mẫu vật địa chất ra khỏi biên giới quốc gia khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
8. Khai thác cát biển tại vùng bờ cách đường bờ dưới 15km, có độ sâu trung bình dưới 05 mét so với mực nước triều cao trung bình nhiều năm trừ trường hợp nạo vét luồng hàng hải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.
9. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN CHƯA KHAI THÁC

Điều 9. Trách nhiệm chung về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác

1. Khoáng sản chưa khai thác, kể cả khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã đóng cửa và tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng phải được bảo vệ theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.
3. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

Điều 10. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất được phép khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản có trách nhiệm:
 - a) Khi thăm dò khoáng sản phải đánh giá tổng hợp và báo cáo đầy đủ các thông tin, dữ liệu về loại khoáng sản phát hiện được trong khu vực thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;
 - b) Khi khai thác khoáng sản phải ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa các loại khoáng sản được phép khai thác; nếu phát hiện khoáng sản mới phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;
 - c) Quản lý, bảo vệ khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng, khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác;

d) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản. Đối với khu vực đã được cấp giấy phép khai thác nhưng chưa hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân tỉnh cấp tỉnh) để được hỗ trợ việc bảo vệ khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân được giao sử dụng đất, sử dụng khu vực biển có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất hoặc diện tích khu vực biển; không được tự ý khai thác khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật này.

4. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, đô thị, khu dân cư tập trung nếu phát hiện khoáng sản không phải là vật liệu xây dựng thông thường phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép, tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

5. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khi trình phê duyệt quy hoạch phải trình kèm theo ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 125 của Luật này.

Điều 11. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản để thi hành pháp luật về địa chất, khoáng sản tại địa phương; ban hành theo thẩm quyền văn bản quy định hướng dẫn về cách thức tổ chức thực hiện bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác tại địa phương và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc phát hiện, kịp thời báo cáo, phòng chống hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác;

c) Huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và giải tỏa hoạt động khoáng sản trái phép tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản tại địa phương;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy

ban nhân dân cấp xã) thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản trái phép;

c) Kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo lực lượng chức năng nhằm phát hiện và xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản trái phép trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

Điều 12. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ chỉ đạo thực hiện các quy định về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của Luật này.

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác tại khu vực biên giới, hải đảo hoặc khu vực cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác.

Điều 13. Kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác

1. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác.

2. Kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

CHƯƠNG III

CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 14. Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

1. Việc lập chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phải bảo đảm các nguyên tắc và căn cứ sau đây:

a) Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; chiến lược bảo vệ môi

trường quốc gia bảo đảm phát triển bền vững;

b) Bảo đảm tính phối hợp đồng bộ giữa hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản trên phạm vi cả nước; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản;

c) Bảo đảm nhu cầu về khoáng sản, tài nguyên địa chất khác phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội;

d) Kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản đã thực hiện; tiền đề và dấu hiệu địa chất liên quan đến tài nguyên địa chất, khoáng sản;

đ) Phù hợp với nguồn lực của Nhà nước theo từng thời kỳ.

2. Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; khai thác, sử dụng khoáng sản, tài nguyên địa chất; bảo vệ khoáng sản, tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản;

b) Định hướng điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; định hướng nghiên cứu khoa học trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản từng thời kỳ; phối hợp, lồng ghép các hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản của các bộ, ngành, địa phương;

c) Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; thăm dò, khai thác khoáng sản cho từng nhóm khoáng sản, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản sau khai thác trong kỳ lập chiến lược;

d) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; khai thác, sử dụng khoáng sản, tài nguyên địa chất; bảo vệ khoáng sản, tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng; thăm dò, khai thác khoáng sản cho từng nhóm khoáng sản, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản sau khai thác; dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

3. Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 20 năm theo kỳ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương có liên quan lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

Điều 15. Quy hoạch khoáng sản

1. Quy hoạch khoáng sản gồm có:
 - a) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản;
 - b) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ;
 - c) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

2. Phương án thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khai thác tận thu khoáng sản ở các bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch khoáng sản phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 16. Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản

1. Nguyên tắc lập quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản:
 - a) Hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; bảo đảm an ninh, quốc phòng;
 - b) Bảo đảm tính thống nhất, liên tục, kế thừa, ổn định trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản trên phạm vi cả nước;
 - c) Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản, tài nguyên địa chất khác phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh, quốc phòng; phòng, chống tai biến địa chất; thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;
 - d) Phù hợp với nguồn lực quốc gia từng thời kỳ;
 - đ) Dân chủ, công khai, minh bạch.
2. Căn cứ lập quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản bao gồm các căn cứ theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các căn cứ sau đây:
 - a) Kết quả thực hiện quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản thời kỳ trước; nhu cầu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản của các bộ, ngành, địa phương;
 - b) Nhu cầu thông tin, dữ liệu về khoáng sản, tài nguyên địa chất;
 - c) Tiền đề, dấu hiệu địa chất liên quan đến khoáng sản, tài nguyên địa chất mới phát hiện.
3. Phạm vi, kỳ quy hoạch:
 - a) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản là quy hoạch ngành quốc gia, được lập thống nhất trên phạm vi cả nước;

b) Thời kỳ quy hoạch là 10 năm, tầm nhìn 30 năm.

4. Nội dung quy hoạch:

a) Đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường, hiện trạng điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; tình hình khai thác, sử dụng khoáng sản, tài nguyên địa chất; thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, tài nguyên địa chất;

b) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước;

c) Xác định mục tiêu, định hướng điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; xác định trình tự ưu tiên theo đối tượng, khu vực, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng đáp ứng về nguồn lực của Nhà nước theo từng giai đoạn;

d) Xác định danh mục các khoáng sản chiến lược, quan trọng và yêu cầu, tiến độ điều tra cơ bản trong kỳ quy hoạch;

đ) Xây dựng phương án tổng thể điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, tài nguyên địa chất khác trên phạm vi cả nước; phối hợp, lồng ghép hoạt động điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, tài nguyên địa chất khác giữa các bộ, ngành, địa phương;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch;

g) Giải pháp, kế hoạch và tiến độ thực hiện.

5. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố quy hoạch: Trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch, tư vấn lập quy hoạch, lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt, công bố, rà soát, điều chỉnh quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 17. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ

1. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ là quy hoạch ngành quốc gia.

2. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ phải căn cứ theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các căn cứ sau đây:

a) Nhu cầu khoáng sản của các ngành kinh tế;

b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản;

c) Tiến bộ khoa học và công nghệ trong thăm dò, khai thác khoáng sản hoặc phát hiện mới về khoáng sản ẩn sâu trong thăm dò, khai thác khoáng sản;

d) Kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước; kết quả đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Nội dung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hiện trạng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản;

b) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước cũng như tác động của việc khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

c) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan;

d) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch;

đ) Quan điểm, mục tiêu thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Xác định quy mô đầu tư, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến và giải pháp bảo vệ môi trường;

g) Xác định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích thăm dò, khai thác khoáng sản;

h) Bản đồ số và bản đồ in có tỷ lệ phù hợp để khoanh định khu vực hoạt động khoáng sản, khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia;

i) Bản đồ chi tiết các khu vực trọng điểm về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

k) Định hướng nhu cầu sử dụng khoáng sản và khả năng đáp ứng nhu cầu trong kỳ quy hoạch; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

l) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch tổ chức, tiến độ thực hiện quy hoạch.

4. Bộ Công Thương tổ chức lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 18. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng

1. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng là quy hoạch ngành quốc gia.

2. Căn cứ lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật này.

3. Nội dung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường gồm có:

a) Các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, k và l khoản 3 Điều 17 của Luật này;

b) Bản đồ số và bản đồ in có tỷ lệ phù hợp để khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng cần đầu tư thăm dò, khai thác.

4. Bộ Xây dựng tổ chức lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 19. Điều chỉnh quy hoạch khoáng sản

1. Quy hoạch khoáng sản được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Có một trong các căn cứ điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Có phát hiện mới về tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản;

c) Thăm dò, khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch khoáng sản quyết định điều chỉnh quy hoạch đã phê duyệt.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Mục 1

ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT

Điều 20. Nội dung và trách nhiệm của nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất

1. Nội dung điều tra cơ bản địa chất:

a) Điều tra, xác lập quy luật phân bố, dự báo các cấu trúc có triển vọng tài nguyên địa chất để lập bản đồ địa chất quốc gia các tỉ lệ đến 1:50.000, bao gồm các bộ bản đồ: địa chất; các trường địa vật lý; địa hóa; địa mạo; vỏ phong hóa; tai biến địa chất; di sản địa chất; địa chất môi trường; địa chất thủy văn; địa chất công

trình; địa chất đô thị;

b) Điều tra, lập bản đồ địa chất chuyên đề tỷ lệ lớn hơn 1:50.000 theo các chuyên đề và theo yêu cầu quản lý;

c) Điều tra, khoan định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế; điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất; điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị; điều tra điều kiện địa chất khác.

2. Trách nhiệm của nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất:

a) Điều tra cơ bản địa chất do Nhà nước thực hiện theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

c) Hoạt động điều tra cơ bản địa chất do các tổ chức chuyên ngành về địa chất thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung điều tra cơ bản địa chất; lập, thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất.

Điều 21. Điều tra, khoan định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế

1. Nội dung điều tra di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế bao gồm:

a) Điều tra, đánh giá về giá trị khoa học, giáo dục của di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế; trong đó tập trung điều tra, đánh giá về vị trí, không gian phân bố, đặc điểm địa lý, địa chất, tính đa dạng địa chất và ý nghĩa khoa học, giáo dục về địa chất;

b) Điều tra, đánh giá về giá trị thẩm mỹ của di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế;

c) Điều tra, đánh giá về giá trị kinh tế và tiềm năng khai thác, sử dụng của di sản địa chất và tài nguyên vị thế;

d) Xác định mức độ ảnh hưởng và nhu cầu bảo tồn di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế.

2. Khoan định, lập bản đồ các khu vực có di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế.

Điều 22. Điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất

1. Nội dung điều tra địa chất môi trường gồm:

a) Đặc điểm địa chất, địa hoá, địa vật lý của các thực thể địa chất; các quá trình địa chất có liên quan đến môi trường tự nhiên;

b) Xác định các yếu tố tự nhiên và nhân sinh gây ra di thường, khả năng

phát tán dị thường làm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên;

- c) Lập bản đồ hiện trạng, phân vùng địa chất môi trường;
- d) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất môi trường.

2. Nội dung điều tra tai biến địa chất gồm:

- a) Đặc điểm địa chất, địa kỹ thuật của các thực thể địa chất; các quá trình địa chất có liên quan; các biểu hiện, động thái tai biến địa chất;
- b) Các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội liên quan đến tai biến địa chất;
- c) Lập bản đồ hiện trạng, phân vùng cảnh báo tai biến địa chất;
- d) Xây dựng cơ sở dữ liệu tai biến địa chất.

3. Trong quá trình điều tra phải tiến hành quan trắc, cảnh báo môi trường địa chất, tai biến địa chất.

Điều 23. Điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị

1. Nội dung điều tra địa chất công trình bao gồm:

- a) Điều tra, đánh giá, xác định cấu trúc địa chất, địa hình địa mạo, địa chất thủy văn, các quá trình và hiện tượng địa chất động lực, tính chất cơ lý đất, đá;
- b) Xác định mối quan hệ và quy luật thay đổi không gian giữa các yếu tố cấu trúc địa chất, địa hình địa mạo, địa chất thủy văn, các quá trình và hiện tượng địa chất động lực, tính chất cơ lý đất, đá;
- c) Đánh giá tác động các điều kiện địa chất công trình đến cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội;
- d) Lập bản đồ phân vùng địa chất công trình với tỷ lệ thích hợp, thể hiện rõ miền, vùng, khu địa chất công trình;
- đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất công trình.

2. Nội dung điều tra địa chất đô thị bao gồm:

- a) Điều tra địa chất, địa vật lý, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa chất môi trường, tai biến địa chất;
- b) Xác định thông tin quy hoạch đô thị, tài nguyên địa chất có trong khu vực điều tra; đánh giá áp lực và tương tác do con người gây ra trong môi trường địa chất đô thị;
- c) Lập bản đồ không gian địa chất đô thị;
- d) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất đô thị.

Điều 24. Điều tra điều kiện địa chất khác

1. Điều tra điều kiện địa chất khác gồm: điều tra, lập bản đồ không gian địa chất, bản đồ không gian lòng đất; tài nguyên địa nhiệt; tài nguyên địa chất tái tạo

quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

2. Lập bản đồ không gian địa chất là việc lập bản đồ không gian ba chiều kỹ thuật số, thể hiện các thực thể, hiện tượng địa chất với đầy đủ thuộc tính về đặc điểm thành phần vật chất, vật lý, hoá học, cơ học và mối quan hệ giữa chúng, phù hợp với tỷ lệ điều tra với các nội dung sau:

a) Thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin, dữ liệu về địa chất, tài nguyên địa chất, điều tra bổ sung các dữ liệu còn thiếu; mô phỏng các thực thể địa chất; lập bản đồ không gian địa chất;

b) Cập nhật bản đồ không gian địa chất được thực hiện định kỳ hằng năm hoặc đột xuất. Việc cập nhật đột xuất khi có sự biến động đột ngột của các thực thể địa chất do các nguyên nhân tự nhiên hoặc nhân tạo.

3. Lập bản đồ không gian lòng đất là việc lập bản đồ không gian ba chiều kỹ thuật số trên nền bản đồ không gian địa chất, thể hiện các khu vực không gian lòng đất gồm các nội dung sau:

a) Thu thập, tổng hợp, điều tra bổ sung, phân tích, đánh giá các thông tin, dữ liệu tài nguyên địa chất; kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, nhu cầu sử dụng không gian lòng đất, hiện trạng sử dụng không gian lòng đất;

b) Lập bản đồ phân bố các cấu trúc tầng trữ; đánh giá đặc điểm địa chất, điều kiện địa chất và khả năng tầng trữ của các cấu trúc địa chất để khoanh định các cấu trúc thuận lợi có thể sử dụng lưu trữ các chất không có bề chứa, chôn lấp chất thải, CO₂, bổ cập nước dưới đất, lưu giữ năng lượng địa chất và các công dụng khác.

4. Điều tra cơ bản tài nguyên địa nhiệt gồm các nội dung sau:

a) Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực có tiềm năng tài nguyên địa nhiệt trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản địa chất;

b) Đánh giá đặc điểm địa chất, điều kiện địa chất, nguồn gốc thành tạo và khả năng thu hồi nhiệt năng từ nguồn địa nhiệt tại khu vực có tiềm năng tài nguyên địa nhiệt đã khoanh định, định hướng cho công tác quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng.

5. Điều tra cơ bản tài nguyên địa chất tái tạo gồm các nội dung sau:

a) Điều tra, đánh giá đặc điểm, điều kiện địa chất, khí tượng thủy văn, địa chất công trình và các điều kiện kinh tế - xã hội khác có liên quan; xác định tiềm năng tài nguyên gió; tài nguyên sóng, thủy triều và tài nguyên bức xạ mặt trời;

b) Lập bản đồ phân vùng tiềm năng tài nguyên gió; tài nguyên sóng, thủy triều và tài nguyên bức xạ mặt trời.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoạt động điều tra cơ bản địa chất

1. Quyền của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất:

a) Tiến hành điều tra địa chất theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt;

b) Chuyển ra ngoài khu vực điều tra địa chất, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu để phân tích, thử nghiệm theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt;

c) Thực hiện các quyền khác liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất:

a) Đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất trước khi thực hiện;

b) Thực hiện đúng đề án đã được phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức, đơn giá trong điều tra địa chất;

c) Bảo đảm tính trung thực, đầy đủ trong việc thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu địa chất; không được tiết lộ thông tin về địa chất, tài nguyên địa chất trong quá trình điều tra địa chất;

d) Bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất và tài nguyên khác trong quá trình điều tra địa chất;

đ) Trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt báo cáo kết quả điều tra địa chất;

e) Nộp báo cáo kết quả điều tra địa chất, mẫu vật địa chất theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật này;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất theo quy định của pháp luật.

Mục 2

ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 26. Nội dung và trách nhiệm của nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản

1. Nội dung điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản:

a) Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản tại các cấu trúc địa chất có tiền đề, dấu hiệu thuận lợi trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản địa chất; khoanh định các diện tích triển vọng để đánh giá tài nguyên;

b) Đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản nhằm xác định tài nguyên khoáng sản chính và các khoáng sản đi kèm trong diện tích đánh giá.

2. Trách nhiệm của nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản:

a) Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản do Nhà nước thực hiện theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; kinh phí của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư;

c) Hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản do các tổ chức chuyên ngành về địa chất thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; lập, thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản

1. Quyền của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản:

a) Điều tra theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt;

b) Chuyển ra ngoài khu vực điều tra, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu để phân tích, thử nghiệm theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

2. Nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản:

a) Đăng ký hoạt động điều tra với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất trước khi thực hiện;

b) Thực hiện đúng đề án đã được phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức, đơn giá trong điều tra địa chất;

c) Bảo đảm tính trung thực, đầy đủ trong việc thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu địa chất; không được tiết lộ thông tin về địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong quá trình điều tra;

d) Bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất, khoáng sản và tài nguyên khác trong quá trình điều tra;

đ) Trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt báo cáo kết quả điều tra địa chất;

e) Nộp báo cáo kết quả điều tra địa chất, mẫu vật địa chất theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật này.

Điều 28. Nguyên tắc tham gia đầu tư, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản

địa chất về tài nguyên khoáng sản

1. Nguyên tắc tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản:
 - a) Đề án điều tra phải thuộc danh mục, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
 - b) Việc tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phải bảo đảm kinh phí thực hiện toàn bộ đề án;
 - c) Việc tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản được thể hiện trong hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất;
 - d) Chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất trong quá trình thực hiện đề án.
2. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực có nhu cầu góp vốn đầu tư, hồ sơ tham gia đầu tư;
 - b) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư;
 - c) Công bố tổ chức, cá nhân được lựa chọn.
3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản:
 - a) Được lựa chọn khu vực có tiềm năng tài nguyên khoáng sản để đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã tham gia đầu tư;
 - b) Được sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản trong khu vực góp vốn đầu tư và các thông tin dữ liệu, điều tra cơ bản địa chất khác theo quy định của pháp luật để lập hồ sơ thăm dò khoáng sản;
 - c) Thực hiện đúng hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất;
 - d) Trường hợp không đủ điều kiện để được cấp phép thăm dò khoáng sản ở khu vực đã lựa chọn theo quy định của Luật này hoặc không có nhu cầu tiếp tục thăm dò thì tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản không được hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản

1. Tổ chức thực hiện đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều

tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phải đăng ký trước khi thực hiện.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản bao gồm:

- a) Bản tóm tắt các thông tin chung về đề án, dự án, nhiệm vụ và tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia thực hiện; địa điểm, thời gian thực hiện;
- b) Bản sao quyết định phê duyệt đề án, dự án, nhiệm vụ;
- c) 01 bộ hồ sơ dự án, gồm thuyết minh và các bản vẽ kèm theo.

3. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

Mục 3

THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 30. Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản

1. Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản là dữ liệu quốc gia, được thiết kế tổng thể và xây dựng thành hệ thống thống nhất trong cả nước, phục vụ đa mục tiêu, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế được công nhận tại Việt Nam, bao gồm:

- a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin;
- b) Hệ thống phần mềm hệ điều hành, phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng;
- c) Cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản.

2. Cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản là tập hợp thống nhất toàn bộ điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia, được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý đáp ứng yêu cầu truy nhập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý nhà nước về địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản để xây dựng cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản cả nước.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản.

5. Chính phủ quy định việc xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản của cả nước.

Điều 31. Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu, mẫu vật điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản có trách nhiệm giao nộp:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

b) Tài liệu nguyên thủy thu thập trong quá trình thực hiện đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản;

c) Mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng thu thập được trong quá trình thực hiện đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

2. Cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và bảo tàng địa chất quy định tại Điều 34 Luật này có trách nhiệm thu nhận, lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản, mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng nêu tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo tàng và theo quy định của luật này.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Điều này.

Điều 32. Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu, mẫu vật điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò và khai thác khoáng sản

1. Các thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò và khai thác khoáng sản được lưu trữ, bảo quản bao gồm:

a) Dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản;

b) Dữ liệu quan trắc, cảnh báo trong điều tra cơ bản địa chất, địa chất môi trường, tai biến địa chất;

c) Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản;

d) Kết quả của các chương trình, đề án, đề tài, dự án, nhiệm vụ trong quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về điều tra địa chất, khoáng sản;

đ) Kết quả thống kê, kiểm kê tài nguyên địa chất, khoáng sản;

e) Dữ liệu khác liên quan đến điều tra địa chất, tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản trong nước và quốc tế;

g) Thông tin, dữ liệu về giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản;

h) Thông tin, dữ liệu báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản;

i) Thông tin dữ liệu về khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản;

k) Thông tin, dữ liệu về khu vực đấu giá, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

l) Thông tin, dữ liệu về phê duyệt trữ lượng khoáng sản;

m) Thông tin, dữ liệu về tính tiền cấp quyền khai thác;

n) Mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng.

2. Thời hạn lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản:

a) Thời hạn bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định của Chính phủ;

b) Các loại thông tin, dữ liệu, mẫu vật bị hư hỏng không thể phục chế hoặc hết giá trị sử dụng chỉ được tiêu huỷ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Việc bảo mật, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất gồm: mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng thu thập được trong quá trình thực hiện đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Điều này.

Điều 33. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản

1. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản:

a) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

c) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản:

a) Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân, phù hợp với mục đích sử dụng theo

quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản có trách nhiệm:

a) Sử dụng đúng mục đích thông tin, dữ liệu được cung cấp;

b) Trả phí, lệ phí cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

c) Hoàn trả một phần hoặc toàn bộ chi phí điều tra đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư kinh phí.

4. Chính phủ quy định chi tiết nội dung Điều này.

Điều 34. Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và Bảo tàng địa chất, khoáng sản

1. Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu:

a) Kiểm tra, thu nhận các thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản theo quy định;

b) Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về lưu trữ, quy định bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường bảo đảm đầy đủ, nguyên trạng, an toàn, dễ tra cứu sử dụng và đáp ứng các yêu cầu về chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ;

c) Quản lý, bảo vệ an toàn kho lưu trữ tài liệu địa chất; cung cấp thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; vận hành cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản.

2. Trách nhiệm của Bảo tàng địa chất, khoáng sản:

Bảo tàng địa chất, khoáng sản nằm trong hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam thuộc cơ quan quản lý nhà nước về địa chất của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoạt động theo quy định của Chính phủ, có trách nhiệm:

a) Lưu giữ, bảo quản các mẫu vật địa chất, khoáng sản được giao nộp;

b) Giới thiệu di chỉ, di sản địa chất, công viên địa chất, bằng chứng quá trình phát sinh, phát triển vỏ trái đất và lịch sử hình thành, phát triển ngành địa chất Việt Nam;

c) Trưng bày, giới thiệu các mẫu vật địa chất, khoáng sản để phục vụ công

tác quản lý nhà nước về địa chất, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng.

Điều 35. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu.
2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.
3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp.
4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.
7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.
8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

CHƯƠNG V

KHU VỰC KHOÁNG SẢN VÀ QUẢN LÝ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC DỰ TRỮ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Mục 1

KHU VỰC KHOÁNG SẢN

Điều 36. Phân loại khu vực khoáng sản

1. Khu vực hoạt động khoáng sản, bao gồm cả khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; khu vực khai thác tận thu khoáng sản.
2. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản.
3. Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
4. Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản.
5. Khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

Điều 37. Khu vực hoạt động khoáng sản, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản

1. Khu vực hoạt động khoáng sản là khu vực có khoáng sản đã được điều

tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định trong quy hoạch khoáng sản quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 15 của Luật này.

2. Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản được khoanh định căn cứ vào một trong các yếu tố sau:

a) Khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ;

b) Khu vực đất quy hoạch cho mục đích quốc phòng, an ninh; hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc;

c) Khu vực lòng hồ tự nhiên, thủy lợi và thủy điện;

d) Việc thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản tại các khu vực quy định tại điểm a và điểm b khoản này có thể bị hạn chế về: Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác khoáng sản; sản lượng khai thác; thời gian khai thác; diện tích, mức sâu khai thác và phương pháp thăm dò, khai thác.

3. Căn cứ yêu cầu của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 125 của Luật này quyết định hình thức hạn chế hoạt động khoáng sản.

Điều 38. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

1. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định trên cơ sở một trong các yếu tố sau:

a) Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa;

b) Khu bảo tồn địa chất, khu bảo tồn biển;

c) Khu vực đất quốc phòng, an ninh;

d) Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng;

đ) Phạm vi hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

2. Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định khi có một trong các yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

b) Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản;

c) Phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Trường hợp khu vực đang có hoạt động khoáng sản hợp pháp mà bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp cần thăm dò, khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 125 của Luật này phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan.

6. Chính phủ quy định tiêu chí khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Điều 39. Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

1. Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ là khu vực chỉ phù hợp với hình thức khai thác nhỏ được xác định trên cơ sở kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản trong giai đoạn điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Khoáng sản được khoanh định vào khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ bao gồm các loại khoáng sản trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn.

3. Chính phủ quy định quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản để khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Điều 40. Khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia

Khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia là khu vực có khoáng sản chưa khai thác được xác định căn cứ vào kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, kết quả thăm dò khoáng sản, bao gồm:

1. Khu vực có tài nguyên khoáng sản cần dự trữ cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

2. Khu vực có tài nguyên khoáng sản nhưng được ưu tiên phát triển kinh tế mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh nổi trội.

3. Khu vực có tài nguyên khoáng sản nhưng chưa đủ điều kiện để khai thác hiệu quả hoặc có đủ điều kiện khai thác nhưng chưa có các giải pháp khắc phục tác động xấu đến môi trường.

Mục 2**QUẢN LÝ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC DỰ TRỮ
TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN QUỐC GIA****Điều 41. Khoanh định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia**

1. Tiêu chí khoanh định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia:

- a) Phù hợp với quy định tại Điều 40 của Luật này;
- b) Thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt trên cơ sở kết quả phân vùng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Quyết định phê duyệt kết quả khoanh định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản;
- b) Loại khoáng sản kèm theo tọa độ các điểm góc, diện tích, mức sâu của khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản;
- c) Quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản trong khu vực dự trữ;
- d) Thời gian dự trữ;
- đ) Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ;
- e) Kế hoạch tổ chức thực hiện.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

Điều 42. Hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia gồm:

a) Báo cáo tổng hợp về khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, trong đó nêu cụ thể thông tin về mức độ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản trong khu vực đề nghị phê duyệt; tài nguyên, trữ lượng khoáng sản dự trữ quốc gia; thời gian dự trữ; hiện trạng sử dụng đất, các công trình, dự án trên mặt tại thời điểm khoanh định khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia (nếu có);

b) Tờ trình đề nghị phê duyệt khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia trong đó nêu cụ thể thông tin về loại khoáng sản cần dự trữ; tài nguyên, trữ lượng từng loại khoáng sản cần dự trữ; tọa độ, diện tích, mức sâu, địa danh khu vực được khoanh định là khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia; thời gian dự trữ từng loại khoáng sản;

c) Dự thảo quyết định phê duyệt kết quả khoanh định khu vực dự trữ tài

nguyên khoáng sản quốc gia;

d) Bản đồ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia thể hiện các nội dung loại khoáng sản; tọa độ các điểm góc, diện tích, mức sâu của khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia gồm:

a) Tờ trình đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, gồm các nội dung chính: tài nguyên, trữ lượng loại khoáng sản cần bổ sung hoặc đưa ra khỏi khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia; tọa độ, diện tích, mức sâu, địa danh khu vực đề nghị điều chỉnh; lý do đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia;

b) Dự thảo quyết định điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia;

c) Bản đồ khu vực đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng; Công an; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản được khoanh định là khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

Điều 43. Điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia

Việc điều chỉnh khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia đã phê duyệt được thực hiện một trong các trường hợp sau:

1. Bổ sung vào danh mục khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia khi có phát hiện mới về khoáng sản đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này.

2. Đưa ra khỏi danh mục một phần hay toàn bộ khu vực khoáng sản đã khoanh định là khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia trong các trường hợp sau đây:

a) Để bổ sung vào quy hoạch quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật này theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh;

c) Thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ.

Điều 44. Thời gian dự trữ tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia

1. Thời gian dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia được xác định theo Chiến

lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng, tối đa không quá 70 năm. Trường hợp khi thời gian dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia đã hết mà chưa có nhu cầu bổ sung khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ vào quy hoạch khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật này thì tiếp tục gia hạn thời gian dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian dự trữ, gia hạn thời gian dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

Điều 45. Quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia

1. Khoáng sản tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia phải được bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định của Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư tại các khu vực đã khoanh định là khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, chủ đầu tư dự án có nghĩa vụ:

a) Bảo vệ khoáng sản trong phạm vi khu vực triển khai dự án theo quy định của Chính phủ;

b) Không lợi dụng việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình để khai thác khoáng sản nằm trong khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật này.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, ngoài việc bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm và khối lượng khoáng sản bị khai thác trái phép, chủ đầu tư dự án còn bị đình chỉ có thời hạn việc thực hiện dự án đầu tư hoặc bị thu hồi quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Thực hiện dự án đầu tư, công trình tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia

1. Không thực hiện dự án đầu tư, công trình sau đây tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia:

a) Các dự án đầu tư có mục đích sử dụng đất lâu dài, trừ các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các công trình xây dựng thuộc cấp công trình đặc biệt, cấp I theo quy định pháp luật về xây dựng, trừ công trình, dự án quan trọng quốc gia thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ tài nguyên

khoáng sản quốc gia, trừ các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều này. Thời điểm đánh giá được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

3. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia gồm:

a) Tổng quan tài nguyên khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong diện tích dự án, bao gồm mức độ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; hiện trạng tài nguyên, trữ lượng và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có);

b) Đánh giá mức độ tác động của hoạt động của dự án đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng đối với loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ; xác định rõ hạng mục công trình có thể tác động trực tiếp đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ;

c) Giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nằm trong diện tích dự án;

d) Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi dự án.

4. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia không vượt quá thời gian dự trữ còn lại của khu vực có khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ đó.

5. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đồng thời với hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

7. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia phải theo dõi, giám sát và kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia đối với trường hợp khi thi công xây dựng hoặc trong quá trình vận hành dự án mà có tác động trực tiếp đến loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ để xử lý theo quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều này.

8. Trường hợp khi triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án

đầu tư tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia mà bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình, tác động trực tiếp đến khoáng sản dự trữ thì tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án để tổ chức kiểm tra, quyết định cho phép thu hồi khoáng sản theo quy định tại các khoản 9 và 10 Điều này.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này quyết định việc thu hồi khoáng sản và được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Thu hồi khoáng sản được thực hiện đồng thời khi triển khai dự án;

c) Chủ đầu tư dự án phải tổ chức thu hồi khoáng sản theo quy định tại khoản 10 Điều này. Trường hợp không tổ chức thu hồi, chủ đầu tư phải đề xuất tổ chức, đơn vị khác để thu hồi và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

10. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều này được phép thu hồi khoáng sản có trách nhiệm:

a) Đăng ký, báo cáo khối lượng khoáng sản thu hồi với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, đồng thời thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi;

b) Chịu sự kiểm tra của cơ quan lý nhà nước về khoáng sản; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại địa phương và cộng đồng dân cư nơi có dự án;

c) Chỉ thu hồi khoáng sản thuộc phạm vi, khối lượng khoáng sản theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu khoáng sản được thu hồi;

đ) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Luật này.

11. Chính phủ quy định hồ sơ và trình tự thủ tục đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

Điều 47. Bồi thường thiệt hại khi thu hồi dự án đầu tư

1. Các dự án đầu tư của tổ chức, cá nhân ở khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia bị thiệt hại do toàn bộ hoặc một phần khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia thuộc phạm vi dự án đầu tư được chuyển thành khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Nhà nước không chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho chủ đầu tư dự án tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia khi đã hết thời gian dự trữ khoáng

sản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG VI

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, SỬ DỤNG ĐẤT, NƯỚC, KHU VỰC BIỂN, HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 48. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải ưu tiên sử dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu thân thiện với môi trường; thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải thực hiện các giải pháp và chịu mọi chi phí bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 49. Sử dụng đất, khu vực biển, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp không sử dụng lớp đất mặt hoặc hoạt động khoáng sản không ảnh hưởng đến việc sử dụng mặt đất của tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất hợp pháp. Khi giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì hợp đồng thuê đất cũng chấm dứt hiệu lực; trường hợp thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ khoáng sản thì tổ chức, cá nhân tiếp tục phải thuê đất, thuê sử dụng khu vực biển cho đến khi kết thúc việc đóng cửa mỏ khoáng sản và bàn giao, trả lại đất, khu vực biển cho địa phương quản lý; khi từng phần diện tích thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản được trả lại thì hợp đồng thuê đất, thuê sử dụng khu vực biển cũng được thay đổi tương ứng trừ trường hợp tổ chức, cá nhân vẫn có nhu cầu thuê đất, thuê sử dụng khu vực biển. Khi thay đổi tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác khoáng sản thì hợp đồng thuê đất, thuê sử dụng khu vực biển được ký lại.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được sử dụng hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện và hạ tầng kỹ thuật khác để phục vụ hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Sử dụng nước trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được sử dụng nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Nguồn nước, khối lượng nước và phương thức sử dụng nước, xả nước

thải trong hoạt động khoáng sản phải được xác định trong đề án thăm dò, dự án đầu tư khai thác khoáng sản và thiết kế mỏ.

Điều 51. Bảo hiểm trong hoạt động khoáng sản

Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải mua bảo hiểm phương tiện, công trình phục vụ hoạt động khoáng sản và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 52. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề thăm dò khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản bao gồm:

- a) Doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp;
- b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;
- c) Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

2. Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 53. Điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - b) Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế trong thăm dò khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản;
 - c) Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, khoan, khai đào và chuyên ngành khác có liên quan;
 - d) Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản.

Điều 54. Lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá

quyền khai thác khoáng sản.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 55. Lựa chọn diện tích để lập đề án thăm dò khoáng sản

Trong quá trình lập đề án thăm dò khoáng sản, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 52 của Luật này được khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích thăm dò sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự kiến thăm dò khoáng sản chấp thuận bằng văn bản.

Điều 56. Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

1. Diện tích khu vực thăm dò của một giấy phép đối với loại hoặc nhóm khoáng sản được quy định như sau:

a) Không quá 50 kilômét vuông (km²) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

b) Không quá 100 kilômét vuông (km²) đối với than, bauxit;

c) Không quá 10 kilômét vuông (km²) đối với khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

d) Không quá 200 kilômét vuông (km²) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

đ) Không quá 02 kilômét vuông (km²) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km²) ở vùng đất có mặt nước; không quá 30 kilômét vuông (km²) ở khu vực biển đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

e) Không quá 02 kilômét vuông (km²) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

2. Mức sâu của công trình thăm dò phải bảo đảm không chế hết thân khoáng sản và các cấu trúc địa chất có triển vọng đối với loại khoáng sản dự kiến thăm dò.

Điều 57. Đề án thăm dò khoáng sản

1. Đề án thăm dò khoáng sản phải có các nội dung chính sau đây:

a) Hệ phương pháp thăm dò phù hợp để xác định được trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện khai thác, khả năng chế biến và sử dụng các loại khoáng sản có trong diện tích thăm dò;

b) Khối lượng công tác thăm dò, số lượng, chủng loại mẫu vật cần lấy phân tích, bảo đảm đánh giá đầy đủ tài nguyên, trữ lượng và chất lượng khoáng sản theo mục tiêu thăm dò;

c) Giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động và vệ sinh lao động trong quá trình thăm dò;

d) Phương pháp tính trữ lượng;

- đ) Giải pháp tổ chức thi công, tiến độ thực hiện đề án;
 - e) Dự toán chi phí thăm dò được lập theo bộ đơn giá công trình địa chất và các bộ đơn giá khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định;
 - g) Thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản.
2. Đề án thăm dò khoáng sản phải được thẩm định trước khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.
 3. Chính phủ quy định hình thức, trình tự, thủ tục thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.
 4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết mẫu, nội dung đề án thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản và bộ đơn giá thi công các công trình thăm dò khoáng sản.

Điều 58. Nguyên tắc và điều kiện cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:
 - a) Giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;
 - b) Không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản;
 - c) Không thuộc khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;
 - d) Giấy phép thăm dò khoáng sản có thể được cấp trùng một phần hoặc toàn bộ về ranh giới bề mặt để thăm dò khoáng sản ở các mức sâu khác nhau theo đề án thăm dò;
 - đ) Mỗi tổ chức, cá nhân được cấp không quá 05 giấy phép thăm dò đối với một loại khoáng sản, không kể giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hiệu lực.
2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Thuộc đối tượng quy định tại Điều 52 của Luật này;
 - b) Có đề án thăm dò khoáng sản phù hợp với quy hoạch khoáng sản quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 15 của Luật này; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản.

Điều 59. Giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản phải thể hiện các thông tin về tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản, nội dung cấp phép và các yêu cầu đối với tổ chức,

cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

2. Nội dung cấp phép thăm dò:

- a) Loại khoáng sản, địa điểm, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;
- b) Phương pháp, khối lượng thăm dò;
- c) Thời hạn thăm dò khoáng sản.

3. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản:

- a) Nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ khác có liên quan;
- b) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp phép và các yêu cầu khác (nếu có).

4. Giấy phép thăm dò khoáng sản có thời hạn không quá 48 tháng và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

Thời hạn thăm dò khoáng sản bao gồm thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trường hợp chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn thăm dò là thời gian còn lại của giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp trước đó.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hình thức, nội dung cụ thể của giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân, được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có các quyền sau đây:

- a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích thăm dò và khu vực thăm dò;
- b) Tiến hành thăm dò theo giấy phép thăm dò khoáng sản;
- c) Được bổ sung phương pháp, khối lượng, hạng mục công việc thi công trong phạm vi khu vực thăm dò đã được cấp phép nhằm tăng mức độ tin cậy của kết quả thăm dò;
- d) Chuyển ra ngoài khu vực thăm dò, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng, chủng loại phù hợp với tính chất, yêu cầu phân tích, thử nghiệm theo đề án thăm dò đã được chấp thuận;

đ) Được ưu tiên cấp giấy phép khai thác khoáng sản tại khu vực đã thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật này;

e) Đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 64 của Luật này; trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp không thể triển khai thăm dò vì lý do bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện thăm dò; trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;

- g) Đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;
 - h) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - i) Quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;
 - c) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò (tăng hoặc giảm) có chi phí lớn hơn 10% dự toán;
 - d) Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật;
 - đ) Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;
 - e) Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này;
 - g) Thực hiện các công việc khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật này;
 - h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu quy định tại điểm c, đ, e khoản 2 Điều này.

Điều 61. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản phải có đủ điều kiện để được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này.
2. Việc chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chấp thuận; trường hợp được chấp thuận, tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.
3. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã thực hiện

được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

Điều 62. Thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng; khoáng sản độc hại

1. Thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục khoáng sản chiến lược, quan trọng trong từng thời kỳ;

b) Trên cơ sở quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt, căn cứ vào yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tiềm năng tài nguyên khoáng sản, danh mục các khoáng sản chiến lược, quan trọng, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền đề án thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng thực hiện bằng vốn từ ngân sách nhà nước;

c) Việc thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng do tổ chức chuyên ngành về địa chất, khoáng sản thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện.

2. Thăm dò khoáng sản độc hại:

a) Ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật này, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản độc hại phải thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến sức khỏe con người; trường hợp đã gây ô nhiễm môi trường thì phải xác định đầy đủ các yếu tố gây ô nhiễm, thực hiện các biện pháp khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm;

b) Trường hợp thăm dò khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm còn phải thực hiện quy định của Luật năng lượng nguyên tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 63. Quyền ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được ưu tiên cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn sau khi đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Hết thời hạn ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân đã thăm dò không đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với khu vực đã thăm dò thì mất quyền ưu tiên đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Điều 64. Hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản;
 - b) Đề án thăm dò khoáng sản lập theo quy định tại Điều 57 của Luật này;
 - c) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản.
2. Tổ chức, cá nhân khi đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau:
 - a) Có hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - b) Đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.
3. Hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản;
 - b) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo;
 - c) Bản đồ hiện trạng khu vực thăm dò khoáng sản.
4. Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản khi có đề nghị thay đổi nội dung giấy phép thăm dò khoáng sản và phải có hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản. Hồ sơ bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;
 - b) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị;
 - c) Bản đồ hiện trạng khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.
5. Hồ sơ trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;
 - b) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.
6. Hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;
 - b) Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;
 - c) Báo cáo kết quả thăm dò và việc thực hiện các nghĩa vụ đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.
7. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản gửi hồ sơ tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 125 của Luật này.
8. Thời hạn giải quyết hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò khoáng

sản, được quy định như sau:

a) Tối đa là 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản;

b) Tối đa là 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản.

9. Trường hợp phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan về các vấn đề liên quan đến việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thì thời gian lấy ý kiến không tính vào thời hạn quy định khoản 8 Điều này.

10. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

Điều 65. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản

1. Thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản được quy định như sau:

a) Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản cho cơ quan lưu trữ theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này.

Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản cho cơ quan lưu trữ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan lưu trữ theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này.

3. Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia; quy định chi tiết nội dung, thành phần hồ sơ, thủ tục giao nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

Điều 66. Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền;

b) Giấy phép có nội dung trái quy định của pháp luật;

c) Sau 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 60 của Luật này mà không

khắc phục trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản có thông báo bằng văn bản;

đ) Khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

e) Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép hết hạn;

c) Giấy phép được trả lại;

d) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản giải thể hoặc phá sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp công trình thăm dò, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, đất đai theo quy định; giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đang đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Điều 67. Hồ sơ, thủ tục thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản

1. Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản;

b) Bản sao đề án thăm dò khoáng sản và giấy phép thăm dò khoáng sản;

c) Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công;

d) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan và bản số hóa.

2. Thời hạn thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản tối đa là 06 tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực trừ trường hợp đang xem xét gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật này. Trường hợp quá thời hạn 06 tháng, tổ chức, cá nhân có

nhu cầu nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản phải có văn bản báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò xem xét, quyết định.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thăm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

CHƯƠNG VIII

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG QUY MÔ NHỎ VÀ KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Mục 1

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 68. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

2. Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tận thu khoáng sản.

3. Hộ gia đình, cá nhân được xem xét xác nhận khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ.

Điều 69. Khu vực khai thác khoáng sản

1. Khu vực khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp và mức sâu được xác định theo chiều thẳng đứng của ranh giới trên mặt, phù hợp với trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác và dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

2. Đối với khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên, khoáng sản ở thể khí, việc xác định vị trí, diện tích khai thác theo tọa độ của giếng khoan hoặc cụm giếng khoan.

Điều 70. Nguyên tắc và điều kiện cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác khoáng sản hợp pháp trừ trường hợp quy

định tại điểm e khoản này;

b) Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp phải phù hợp với quy hoạch khoáng sản quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 15 của Luật này, trừ trường hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Điều 82 của Luật này hoặc thực hiện kế hoạch nạo vét, duy tu các công trình giao thông đường thủy; các hồ thủy điện, thủy lợi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện;

c) Không khai thác khoáng sản tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 46 của Luật này;

d) Không khai thác khoáng sản tại khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Không chia cắt khu vực khoáng sản có thể đầu tư khai thác hiệu quả ở quy mô lớn để cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho nhiều tổ chức, cá nhân khai thác ở quy mô nhỏ hoặc phân tán, nhỏ lẻ;

e) Giấy phép khai thác khoáng sản có thể được cấp trùng một phần hoặc toàn bộ về ranh giới bề mặt để khai thác khoáng sản ở các mức sâu khác nhau theo dự án đầu tư.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thuộc đối tượng quy định tại Điều 68 của Luật này;

b) Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, có trữ lượng được phê duyệt;

c) Có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật này;

d) Có văn bản cho phép của Thủ tướng Chính phủ đối với khoáng sản độc hại.

3. Việc khai thác khoáng sản tại khu vực tạm thời cấm, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Khai thác theo phương pháp, công nghệ kỹ thuật cao mà không ảnh hưởng đến mục đích tạm thời cấm, hạn chế hoạt động khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt khu vực tạm thời cấm, hạn chế hoạt động khoáng sản chấp thuận theo quy định của pháp luật;

b) Khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ thủy lợi, thủy điện mà phải nạo vét để bảo đảm an toàn công trình hồ, đập theo kế hoạch hoặc dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hộ kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật này được phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tận thu khoáng sản khi có đủ điều kiện do Chính phủ quy định.

Điều 71. Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản phải thể hiện các thông tin về tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, nội dung cấp phép và các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Nội dung cấp phép bao gồm:

a) Vị trí, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; mức sâu được phép khai thác;

b) Loại khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có);

c) Trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; khối lượng đất, đá thải và mục đích sử dụng;

d) Công suất khai thác tối đa, phương pháp khai thác;

đ) Thời hạn khai thác.

3. Các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ khác có liên quan;

b) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp phép và các yêu cầu khác (nếu có).

4. Thời hạn khai thác:

a) Được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhưng không quá 30 năm và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm;

b) Trong trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó.

Điều 72. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các quyền sau:

a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích khai thác và khu vực được phép khai thác;

b) Tiến hành khai thác khoáng sản theo nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản;

c) Được thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản chính và xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có) trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

d) Được ưu tiên cấp phép thăm dò xuống sâu hoặc thăm dò mở rộng phần diện tích trên bề mặt để đánh giá đầy đủ trữ lượng khoáng sản mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

đ) Cát giữ, vận chuyển, tiêu thụ, xuất khẩu và các quyền sở hữu khác đối với khoáng sản đã khai thác theo quy định của pháp luật;

e) Đề nghị cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản;

g) Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

h) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, đình chỉ hoạt động khai thác hoặc quyết định khác của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

i) Được thuê đất, đất có mặt nước, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

k) Được sử dụng sử dụng đất, đá thải mỏ để phục vụ cho mục đích cải tạo, phục hồi môi trường và các mục đích khác theo quy định của Chính phủ;

l) Thế chấp, góp vốn quyền khai thác khoáng sản;

m) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định;

c) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

d) Lập đề án thăm dò bổ sung gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản để xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện;

đ) Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường; thực hiện các quy định về giám sát, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này;

e) Lưu giữ, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung và khai thác khoáng sản; kết nối hệ thống giám sát và trạm cân với hệ thống giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản;

g) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

h) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản và các hoạt động

khác của dự án khai thác khoáng sản gây ra;

i) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản;

k) Đóng cửa mỏ khoáng sản; cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực;

l) Ưu tiên sử dụng lao động địa phương và các dịch vụ có liên quan theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 6 của Luật này;

m) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 73. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, người làm việc tại mỏ khai thác khoáng sản phải thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải ban hành nội quy lao động của mỏ khoáng sản phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

3. Khi có nguy cơ xảy ra sự cố mất an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ phải áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để loại trừ nguyên nhân xảy ra sự cố.

4. Khi xảy ra sự cố mất an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ phải áp dụng ngay các biện pháp khẩn cấp để khắc phục sự cố; cấp cứu, sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm; kịp thời báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; bảo vệ tài sản, bảo vệ hiện trường xảy ra sự cố.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hỗ trợ việc cấp cứu và khắc phục hậu quả sự cố về an toàn lao động.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện chế độ báo cáo về tai nạn lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền;

b) Giấy phép có nội dung trái quy định của pháp luật;

c) Sau 12 tháng, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản có hiệu lực, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa xây dựng cơ bản mỏ, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

d) Sau 12 tháng, kể từ ngày dự kiến bắt đầu khai thác, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa tiến hành khai thác, trừ trường hợp bất khả

kháng theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 72 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản có thông báo bằng văn bản;

e) Khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép hết hạn;
- c) Giấy phép được trả lại;

d) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản giải thể, phá sản hoặc bị xóa tên doanh nghiệp;

đ) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản thuộc sở hữu nhà nước, không được tháo dỡ, phá huỷ. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải di chuyển tài sản còn lại của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản; sau thời hạn này, tài sản còn lại thuộc sở hữu nhà nước.

4. Trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Trường giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực mà còn trữ lượng khoáng sản thì việc cấp phép khai thác khoáng sản tiếp theo ở khu vực này được thực hiện theo hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 75. Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện theo nguyên tắc cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 70 của Luật này. Hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

- b) Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;
- c) Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt và bản sao quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- đ) Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo giấy phép môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; trừ trường hợp được miễn trừ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- e) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- g) Trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thì phải có văn bản xác nhận trúng đấu giá.

2. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực nhưng vẫn còn trữ lượng khoáng sản. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản;
- b) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn;
- c) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn; trữ lượng khoáng sản còn lại, diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác;
- d) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo giấy phép môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trừ trường hợp được miễn trừ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

3. Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn nhưng tổ chức, cá nhân chưa được gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; trường hợp đã hết thời gian khai thác (kể cả thời gian gia hạn) theo quy định mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản;
- b) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị cấp lại;
- c) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn; kế hoạch khai thác tiếp theo;
- d) Văn bản xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tính đến thời điểm lập hồ sơ;
- đ) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo giấy phép môi

trường hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trừ trường hợp được miễn trừ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

4. Điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện khi có thay đổi về trữ lượng khoáng sản; trả lại một phần diện tích khai thác; điều chỉnh công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản;
- b) Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, diện tích điều chỉnh, loại khoáng sản điều chỉnh thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt;
- c) Bản đồ hiện trạng khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 78 của Luật này tại thời điểm đề nghị điều chỉnh;
- d) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền;
- đ) Thuyết minh báo cáo kết quả thăm dò bổ sung, kèm theo các bản vẽ và quyết định phê duyệt kết quả thăm dò bổ sung trữ lượng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp thăm dò bổ sung;
- e) Đề án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản;
- g) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo giấy phép môi trường hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trừ trường hợp được miễn trừ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

5. Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản khi giấy phép khai thác khoáng sản còn thời hạn nhưng đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu khai thác. Hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản;
- b) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại;
- c) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản đến thời điểm trả lại;
- d) Đề án đóng cửa mỏ trong trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

6. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo Điều 83 của Luật này. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;
- b) Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng;

c) Bản đồ hiện trạng khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 78 của Luật này tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng;

d) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ từ khi được phép khai thác đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng;

đ) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu văn bản, tài liệu quy định tại các điểm a, b và g khoản 1; các điểm a, b và c khoản 2; các điểm a và b khoản 3; các điểm a, c, d, đ và e khoản 4; các điểm a, b, c, d khoản 5; các điểm a, b, c, d khoản 6 Điều này.

Điều 76. Thiết kế mỏ

1. Thiết kế mỏ bao gồm thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chỉ được phép xây dựng cơ bản mỏ, khai thác khoáng sản khi đã có thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản.

3. Khi có các thay đổi về diện tích, trữ lượng, công suất, phương pháp, công nghệ khai thác đến mức phải điều chỉnh thiết kế mỏ, tổ chức, cá nhân khai thác mỏ phải thực hiện thủ tục điều chỉnh thiết kế mỏ theo quy định.

4. Bộ Công Thương quy định chi tiết Điều này.

Điều 77. Giám đốc điều hành mỏ

1. Khai thác khoáng sản phải có giám đốc điều hành mỏ; một giám đốc điều hành mỏ chỉ điều hành theo một giấy phép khai thác khoáng sản; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Giám đốc điều hành mỏ là người có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều này do tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản bổ nhiệm hoặc do cá nhân được phép khai thác, người đứng đầu tổ chức được phép khai thác trực tiếp đảm nhiệm.

3. Giám đốc điều hành mỏ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Nắm vững quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Nắm vững quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

c) Có trình độ tổ chức, quản lý, kinh nghiệm thực tế, kỹ thuật khai thác, kỹ thuật an toàn lao động, bảo vệ môi trường;

d) Giám đốc điều hành khai thác hầm lò phải là kỹ sư khai thác mỏ hoặc kỹ sư xây dựng mỏ có thời gian trực tiếp khai thác tại mỏ hầm lò ít nhất là 05 năm;

đ) Giám đốc điều hành khai thác lộ thiên phải là kỹ sư khai thác mỏ có thời gian trực tiếp khai thác tại mỏ lộ thiên ít nhất là 03 năm; trường hợp có bằng kỹ sư địa chất hoặc văn bằng tương đương có chuyên ngành về địa chất thì phải được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ thuật khai thác mỏ và có thời gian tham gia trực tiếp khai thác khoáng sản tại mỏ lộ thiên ít nhất là 05 năm.

4. Các trường hợp sau đây không phải có giám đốc điều hành mỏ nhưng phải có nhân sự phụ trách về công tác kỹ thuật khai thác mỏ, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản:

- a) Khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ;
- b) Hoạt động khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên; khí thiên nhiên;
- c) Khai thác tận thu khoáng sản, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng mà không sử dụng vật liệu nổ, than bùn;
- d) Thu hồi khoáng sản khi thực dự án đầu tư, công trình tại khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia theo quy định tại Điều 46 của Luật này mà không sử dụng vật liệu nổ;
- đ) Khai thác khoáng sản tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ theo quy định tại Điều 39 của Luật này mà không sử dụng vật liệu nổ.

5. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải bảo đảm quyền và lợi ích của giám đốc điều hành mỏ; thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày bắt đầu khai thác mỏ hoặc trong trường hợp thay đổi giám đốc điều hành mỏ. Trường hợp giám đốc điều hành mỏ không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Điều 78. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập, cập nhật, quản lý và lưu giữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ đến khi kết thúc khai thác khoáng sản theo giấy phép được cấp.

2. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản là bản đồ số (bản đồ không gian 3 chiều) được biên tập trên các phần mềm chuyên dụng và bản đồ in có tỷ lệ phù hợp.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đối tượng lập, nội dung bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác.

Điều 79. Thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác; kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại và quyết toán tài nguyên khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm thực hiện công tác thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại để quyết toán tài nguyên khoáng sản định kỳ hàng năm; chịu trách nhiệm về số liệu đã thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại.

2. Thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác hàng năm và tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác kể từ ngày bắt đầu khai thác đến thời điểm thống kê được tổng hợp từ các tài liệu gồm có:

a) Thông tin về tài nguyên, trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận; bình đồ tính tài nguyên, trữ lượng khoáng sản và mặt cắt tính tài nguyên, trữ lượng khoáng sản;

b) Sản lượng hoặc khối lượng khoáng sản được khai thác thực tế theo kết quả cân hoặc đo đạc; kết quả kê khai nộp thuế tài nguyên, thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

c) Thông tin, số liệu từ kết quả phân tích, đánh giá chất lượng hoặc hàm lượng khoáng sản; kết quả nghiệm thu, bàn giao khối lượng hoặc sản lượng khoáng sản đã được khai thác; khối lượng đất đá được thải loại theo từng công đoạn khai thác hoặc phương pháp khai thác giữa các bộ phận hoặc các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản;

d) Kết quả đo đạc thực tế về hiện trạng khai thác trong quá trình lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

3. Kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại và quyết toán tài nguyên khoáng sản kể từ ngày bắt đầu khai thác đến thời điểm kiểm kê được tổng hợp từ các tài liệu gồm có:

a) Thông tin về trữ lượng địa chất, trữ lượng khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Kết quả thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác hàng năm hoặc tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày bắt đầu khai thác đến thời điểm kiểm kê.

Điều 80. Khai thác khoáng sản độc hại có chứa chất phóng xạ

1. Ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản độc hại có chứa chất phóng xạ còn phải thực hiện quy định của Luật Năng lượng nguyên tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức được phép khai thác khoáng sản độc hại có chứa phóng xạ.

Điều 81. Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường

1. Việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phải thực hiện thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sau đây không phải đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản:

a) Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 7 của Luật này;

b) Khai thác trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư;

c) Khai thác trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó;

d) Thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ khi thực hiện hoạt động nạo vét, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa, đường hàng hải, cảng sông, cảng biển; nạo vét lòng hồ thủy lợi, thủy điện theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Khai thác, sử dụng đất dôi dư từ hoạt động cải tạo đất nông nghiệp, lâm nghiệp (đất lúa, đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất trồng cây lâu năm, đất đồi rừng) để tạo mặt bằng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

3. Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 82. Khai thác khoáng sản không phải là vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Việc khai thác khoáng sản không phải là vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trường hợp khu vực dự án đầu tư xây dựng công trình phát hiện có khoáng sản thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 125 của Luật này quyết định việc thăm dò, khai thác trước khi xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình chính của dự án tại diện tích có khoáng sản;

b) Trường hợp khu vực chưa được điều tra, đánh giá về khoáng sản mà trong quá trình xây dựng công trình phát hiện có khoáng sản thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 125 của Luật này quyết định việc khai thác (không bắt buộc phải tiến hành thăm dò khoáng sản) hoặc không khai thác trong phạm vi xây dựng công trình.

2. Khu vực có công trình, dự án, thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, nếu phát hiện có khoáng sản thì Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình, dự án để quyết định việc thăm dò, khai thác khoáng sản trong khu vực của dự án.

3. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản quyết định không khai thác thì phải có văn bản trả lời cho cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan cấp giấy phép đầu tư hoặc chủ đầu tư.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 83. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác thì được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản chấp thuận; trường hợp được chấp thuận, tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản mới.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Mục 2

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG QUY MÔ NHỎ

Điều 84. Khoanh định khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ

1. Khu vực có khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với quy định tại Điều 7 của Luật này được khoanh định là khu vực khai thác khoáng sản quy mô nhỏ khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia;

b) Không thuộc quy hoạch khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật này;

c) Có quy mô nhỏ về khối lượng và có diện tích phân bố nhỏ, khoáng sản được phát hiện phân bố độc lập, có trữ lượng hoặc tài nguyên thuộc quy mô nhỏ.

2. Căn cứ thực tế tại địa phương, phù hợp với các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm khoanh định, công bố khu

vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ cấp cho hộ gia đình, cá nhân.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 85. Đối tượng, thời hạn khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ

1. Việc đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản;
- b) Không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác khoáng sản hợp pháp;
- c) Phải phù hợp với phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Đối tượng được xem xét cho phép khai thác quy mô nhỏ là hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống trên địa bàn cấp huyện nơi có khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 84 của Luật này.

3. Hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện sau:

- a) Phải có hồ sơ đăng ký khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 86 của Luật này;
- b) Chỉ sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để cung cấp nguyên liệu cho làm nghề truyền thống, phục vụ xây dựng đường giao thông, kênh, mương cấp thoát nước;
- c) Sản lượng khoáng sản khai thác không quá 3.000m³/năm.

4. Thời hạn đăng ký khai thác không quá 1 năm và được gia hạn nhiều lần.

Điều 86. Hồ sơ, thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ;
- b) Sơ đồ vị trí khu vực đề nghị khai thác;
- c) Kế hoạch khai thác khoáng sản;
- d) Căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân của chủ hộ gia đình hoặc cá nhân.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy xác nhận bản đăng ký bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy xác nhận bản đăng ký;
- b) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản từ ngày bắt đầu khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn;

c) Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ. Trong trường hợp không chấp thuận bản đăng ký khai thác khoáng sản thì văn bản trả lời phải nêu rõ lý do.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu văn bản tại các điểm a, b và khoản 1; các điểm a, b và c khoản 2 và mẫu giấy xác nhận bản đăng ký tại khoản 3 Điều này.

Điều 87. Quyền và nghĩa vụ khi được phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ

1. Hộ gia đình, cá nhân được phép khai thác khoáng sản quy mô nhỏ có các quyền sau đây:

a) Tiến hành khai thác khoáng sản theo nội dung bản đăng ký khai thác quy mô nhỏ;

b) Cất giữ, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản đã khai thác theo quy định của pháp luật;

c) Đề nghị trả lại giấy xác nhận bản đăng ký;

d) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi giấy xác nhận bản đăng ký đang còn hiệu lực hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với giấy xác nhận bản đăng ký;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hộ gia đình, cá nhân được phép khai thác khoáng sản quy mô nhỏ có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm tiến độ hoạt động khai thác xác định trong giấy xác nhận bản đăng ký;

c) Đăng ký ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận bản đăng ký và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi khai thác khoáng sản quy mô nhỏ trước khi thực hiện;

d) Thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường; thực hiện các quy định về giám sát, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này;

đ) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận bản đăng ký và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi khai thác khoáng sản quy mô nhỏ; lưu giữ, cung cấp thông tin về kết quả khai thác khoáng sản;

e) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

g) Trong quá trình khai thác phát hiện khoáng sản khác không phải là vật liệu xây dựng thông thường thì phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để xem xét, quyết định;

h) Chấp hành quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc không tiếp tục gia hạn hoặc thu hồi giấy xác nhận bản đăng ký khi khu vực khai thác khoáng sản được quy hoạch vào các mục đích khác;

i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 88. Thu hồi giấy xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ

1. Giấy xác nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 87 của Luật này;

b) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có nguy cơ xảy ra sự cố mất an toàn trong khai thác, sự cố về môi trường;

c) Khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Khi giấy xác nhận bị thu hồi hoặc không được gia hạn thì hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác.

3. Trường hợp giấy xác nhận còn thời hạn bị thu hồi khi thì hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định trình tự thu hồi giấy xác nhận đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ.

Mục 3

KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Điều 89. Khai thác tận thu khoáng sản

Khai thác tận thu khoáng sản bao gồm:

1. Khai thác khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ.
2. Khai thác phần trữ lượng khoáng sản còn lại của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ nhưng quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chỉ phù hợp với quy mô phân tán, nhỏ lẻ.
3. Thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Nội dung cấp phép khai thác tận thu khoáng sản được quy định trong quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Điều 90. Thời hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản có thời hạn không quá 05 năm, được gia hạn nhiều lần với tổng thời gian gia hạn không quá 05 năm.

Điều 91. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản có các quyền quy định tại các điểm b, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 72 của Luật này.
2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Nộp lệ phí cấp giấy phép, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 72 của Luật này;
 - c) Thực hiện các quy định về giám sát, kiểm soát hoạt động khoáng sản và lưu giữ, cung cấp thông tin về kết quả khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này.

Điều 92. Hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn và trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 89 của Luật này bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;
 - b) Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản;
 - c) Dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;
 - d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo giấy phép môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
 - đ) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bản sao văn bản chấp

thuận chủ trương đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

b) Báo cáo kết quả khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bao gồm:

a) Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

b) Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản đến thời điểm trả lại;

c) Đề án đóng cửa mỏ.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu văn bản, tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1; các điểm a và b khoản 2; các điểm a, b và c khoản 3 Điều này.

Điều 93. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật này;

b) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có nguy cơ xảy ra sự cố mất an toàn trong khai thác, sự cố về môi trường;

c) Khu vực khai thác tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Khi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi hoặc hết hạn thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác, thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Trường hợp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định trình tự thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mục 4

ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Điều 94. Các trường hợp phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản trong các

trường hợp sau đây:

- a) Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng;
 - b) Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản;
 - c) Trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.
2. Các trường hợp khác không quy định tại khoản 1 Điều này không phải lập và thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản.

Điều 95. Hồ sơ đề nghị phê duyệt, điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
 - b) Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
 - c) Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ đối với khoáng sản rắn;
 - d) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản từ khi được phép khai thác đến thời điểm lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ;
 - đ) Các văn bản chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ trong quá trình khai thác khoáng sản.
2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
 - b) Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản từ khi được phê duyệt đến thời điểm đề nghị điều chỉnh, những nội dung đề nghị điều chỉnh.
3. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục phê duyệt, điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu các văn bản, tài liệu quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1; các điểm a và b khoản 2 Điều này.

Điều 96. Thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 100 và Điều 125 của Luật này tổ chức thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trước khi phê duyệt.
2. Việc thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản do Chính phủ quy định.
3. Nội dung thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản bao gồm:

- a) Lý do đóng cửa mỏ;
- b) Hiện trạng, số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ, các công trình phụ trợ phục vụ khai thác mỏ; các công trình bảo vệ môi trường, công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện, kể cả các bãi thải của mỏ tại thời điểm đóng cửa mỏ;
- c) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại so với trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản;
- d) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ, các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ và các công trình phụ trợ; khối lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; thời gian để ổn định, an toàn cho các bãi thải của mỏ; biện pháp phục hồi môi trường có liên quan trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và kế hoạch sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản;
- đ) Khối lượng, tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành các hạng mục công việc của đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

4. Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ.

Điều 97. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thuộc đối tượng phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 125 của Luật này phê duyệt trước khi thực hiện.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị giải thể, phá sản thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc lựa chọn đơn vị có đủ năng lực để lập và tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thông qua hình thức đấu thầu (bao gồm cả khu vực được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép) và được thực hiện như sau:

a) Kinh phí thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được lấy từ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trường hợp không đủ kinh phí để thực hiện theo dự toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện đề án đóng cửa mỏ bổ sung dự toán chi ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua;

b) Đơn vị trúng đấu thầu thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không được hưởng các quyền quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 98 của Luật này.

3. Trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác chỉ định đơn vị thực hiện.

4. Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã huy động tối đa vốn, thiết bị, công nghệ sẵn có mà

không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các hạng mục công trình trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì cơ quan phê duyệt đề án lựa chọn đơn vị quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này để thực hiện.

Điều 98. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Quyền của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Được hoàn trả từng phần hoặc toàn bộ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường khi tổ chức, cá nhân hoàn thành công tác đóng cửa mỏ khoáng sản một phần diện tích hoặc toàn bộ diện tích khu vực khai thác khoáng sản theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt;

b) Điều chỉnh về thời gian, khối lượng của các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép;

c) Được thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với thời gian thi công đề án đóng cửa mỏ;

d) Thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 89 của Luật này;

đ) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi ranh giới khu vực thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đến thời điểm bàn giao khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho địa phương quản lý;

b) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường cho phép điều chỉnh phương án cải tạo, phục hồi môi trường để phù hợp với hiện trạng thực tế tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Thực hiện đầy đủ khối lượng các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

d) Bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để nghiệm thu;

e) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; thông tin, số liệu, hồ sơ, tài liệu nghiệm thu, quyết toán khối lượng thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

h) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu và ban hành quyết định đóng cửa mỏ sau khi hoàn thành nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

i) Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các hạng mục, công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường (nếu có);

k) Bồi thường thiệt hại do hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra;

l) Hoàn tất việc thanh lý hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

m) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 99. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện và ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của tổ chức, cá nhân bao gồm:

a) Văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;

b) Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;

d) Các văn bản chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản được ban hành sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành việc thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu văn bản, tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 100. Thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản nào thì có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, quyết định điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ và ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IX

QUẢN LÝ CÁT, SỎI LÒNG SÔNG, LÒNG HỒ VÀ KHU VỰC BIỂN

Điều 101. Nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển

1. Hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và ở khu vực biển ngoài việc tuân thủ nguyên tắc hoạt động khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Tuân thủ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh; quy hoạch thủy lợi; quy hoạch thủy điện; quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; quy hoạch không gian biển quốc gia;

b) Hoạt động khai thác phải được kiểm soát và giám sát bằng các phương tiện, thiết bị công nghệ hiện đại để bảo đảm kiểm soát được sự biến động trữ lượng khoáng sản; nguy cơ mất an toàn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường;

c) Hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông phải dựa trên nguyên tắc về khả năng bồi hoàn của tự nhiên để phòng chống rủi ro sạt lở lòng bờ, bãi sông và các công trình khác cần được bảo vệ.

2. Hoạt động nạo vét, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa, đường hàng hải, cảng sông, cảng biển; nạo vét lòng hồ thủy lợi, thủy điện có kết hợp thu hồi cát, sỏi, ngoài việc thực hiện theo quy định của luật này còn phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, thủy lợi, hàng hải, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan;

b) Không lợi dụng hoạt động nạo vét, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa, đường hàng hải, cảng sông, cảng biển; nạo vét lòng hồ thủy lợi, thủy điện để khai thác cát, sỏi trái phép;

c) Phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Hoạt động khai thác, nạo vét cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển phải được đánh giá tác động tới lòng sông, lòng hồ, bờ sông, bờ hồ, bờ biển và bãi sông, bãi hồ, bãi biển. Nội dung đánh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 102. Nguyên tắc cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển

Ngoài việc thực hiện các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 70 của Luật này phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Đối với hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông trước khi cấp giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến chấp thuận bằng

văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, phòng chống thiên tai, thủy lợi.

2. Đối với hoạt động thăm dò, khai thác cát biển trước khi cấp giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao liên quan đến quốc phòng, an ninh, thủy sản, bảo vệ môi trường, giao thông hàng hải.

3. Đối với hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng hồ, trước khi cấp giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện (nếu có).

4. Trường hợp khu vực thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, ở khu vực biển giáp ranh từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, trước khi cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giáp ranh.

5. Thời hạn cấp phép khai thác tối đa không quá 5 năm và được xem xét gia hạn, cấp lại giấy phép cho đến hết trữ lượng.

6. Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày, không được khai thác ban đêm; quy định về thời gian khai thác trong năm.

Điều 103. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển

1. Thực hiện các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật này và các yêu cầu sau:

a) Đăng ký bến bãi, vị trí tập kết, loại phương tiện, thiết bị được sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan;

b) Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi;

c) Ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi;

d) Lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin về giấy phép khai thác, dự án khai thác gồm: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát, sỏi;

đ) Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

Điều 104. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển trong quá trình nạo vét

1. Được thu hồi, sử dụng, tiêu thụ cát, sỏi thông qua hoạt động nạo vét, duy tu vùng nước cảng nội địa, vùng nước đường thủy nội địa, hồ chứa, khu vực cửa sông, cửa biển, khu vực tránh, trú bão, khu neo đậu tàu, thuyền theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện các yêu cầu, nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 101 và Điều 103 của Luật này.

CHƯƠNG X

**TÀI CHÍNH VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN
VÀ ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Mục 1

TÀI CHÍNH VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 105. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất và hoạt động khoáng sản

1. Thuế theo quy định của pháp luật về thuế.
2. Phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
3. Tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư theo quy định của Luật này.
4. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này.

Điều 106. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
2. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh khi có sự thay đổi một trong các nội dung quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 111 của Luật này.
3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được hoàn lại đối với các trường hợp:
 - a) Không giải phóng được mặt bằng để khai thác khoáng sản;
 - b) Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại điểm a, b, e khoản 1 Điều 74 Luật này.
4. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được hoàn lại đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này tương ứng với phần trữ lượng không được khai thác.

5. Các trường hợp không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

a) Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó;

b) Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc hoàn lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại khoản 4 Điều này.

Mục 2

HOÀN TRẢ CHI PHÍ ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN, CHI PHÍ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 107. Nguyên tắc xác định hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản sẽ được điều chỉnh khi điều chỉnh trữ lượng địa chất được cấp phép.

3. Các trường hợp không phải hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư:

a) Các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 125 của Luật này;

b) Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 và khoản 1, khoản 2 Điều 82 và Điều 89 của Luật này.

Điều 108. Phương pháp xác định chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư

1. Chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản đối với khoáng sản rắn được xác định trên cơ sở:

a) Toàn bộ khối lượng các hạng mục công việc, công trình thuộc báo cáo điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đơn giá các hạng mục công việc, công trình đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả;

Các hạng mục công việc không có đơn giá được xác định, tính toán theo

quy định tại thời điểm phê duyệt.

c) Tỷ lệ trữ lượng được cấp phép khai thác so với tài nguyên, trữ lượng trong báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản đối với các loại khoáng sản ở thể lỏng, thể khí được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và tỷ lệ số lỗ khoan được cấp phép khai thác so với tổng số lỗ khoan đã thi công trong diện tích điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp xác định chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

Điều 109. Phương thức hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư

1. Tổ chức, cá nhân hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư theo phương thức thanh toán một lần khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản được xác định bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Luật này được tổ chức, cá nhân hoàn trả theo phương thức thanh toán một lần khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản điều chỉnh.

3. Chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do tổ chức, cá nhân hoàn trả được trích lại một phần phục vụ cho công tác quản lý, xác định chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

4. Chính phủ quy định chi tiết chế độ thu, quản lý, sử dụng, hoàn lại một phần chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Điều 110. Hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư theo nguyên tắc tự thỏa thuận. Việc thỏa thuận phải thực hiện bằng văn bản theo thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp không tự thỏa thuận được thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 125 của Luật này quyết định chi phí phải hoàn trả căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản bị công bố phá sản, giải thể, chết hoặc mất tích mà quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản không

được chuyển giao hợp pháp cho tổ chức, cá nhân khác thì quyền sở hữu thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản thuộc sở hữu Nhà nước.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không còn hoạt động theo địa chỉ đã đăng ký và không liên hệ được:

a) Việc xác định chi phí thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản có nghĩa vụ hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 125 của Luật này trong thời điểm quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Sau khi xác định kết quả chi phí thăm dò khoáng sản được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản có trách nhiệm thông báo trên một trong các báo hàng ngày của Trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp để tìm kiếm tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản;

d) Trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản đăng thông báo đầu tiên theo quy định tại điểm c khoản này mà tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản liên hệ lại thì chi phí thăm dò khoáng sản sẽ được hoàn trả cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản;

đ) Sau 01 (một) năm kể từ ngày tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản đăng thông báo đầu tiên theo quy định tại điểm c khoản này mà tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản không liên hệ lại thì chi phí thăm dò khoáng sản sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này có nghĩa vụ chi trả kinh phí xác định chi phí phải hoàn trả cho đơn vị được giao nhiệm vụ xác định chi phí thăm dò khoáng sản.

5. Việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân được thực hiện trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Mục 3

TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 111. Căn cứ, phương pháp tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 125 của Luật này phê duyệt trên cơ sở các căn cứ sau:

a) Trữ lượng khoáng sản quy định tại Điều 112 của Luật này;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 113 của Luật này;

c) Phương pháp khai thác;

d) Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hoặc mức thu tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tạm tính trong trường hợp chưa được xác định được một trong các thông số quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định hệ số liên quan đến phương pháp khai thác; mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và phương pháp tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Điều 112. Trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q) là trữ lượng địa chất được phê duyệt nằm trong diện tích và chiều sâu theo phương thẳng đứng được phép khai thác và được quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các trường hợp khai thác khoáng sản quy định tại khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82, điểm c khoản 3 Điều 85, khoản 3 Điều 89 và điểm c khoản 2 Điều 101 của Luật này được xác định theo sản lượng khai thác, thu hồi thực tế hàng năm.

Điều 113. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là giá của một đơn vị trữ lượng khoáng sản, đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng.

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

3. Chính phủ quy định phương pháp quy đổi giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ giá tính thuế tài nguyên.

Điều 114. Phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thu một lần hoặc nhiều lần căn cứ theo thời gian cấp phép khai thác khoáng sản và được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và quy định của Luật này.

2. Chính phủ quy định chi tiết phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Điều 115. Quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện nộp 70% cho ngân sách trung ương, 30% cho ngân sách địa phương, đối với giấy phép do Trung ương cấp; 100% cho ngân sách địa phương, đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

2. Việc tổ chức xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong phạm vi dự toán chi ngân sách giao cho cơ quan tài nguyên và môi trường theo phân cấp được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, xác định bằng tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp phân bổ cho số năm khai thác. Điều kiện xác định khoản chi được trừ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mục 4

ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 116. Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện ở các khu vực hoạt động khoáng sản bao gồm khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản và khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản, trừ các khu vực quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này.

2. Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường khoanh định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Các trường hợp không phải đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản và trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 82 Luật này không phải khoanh định, phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

d) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai danh sách khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình.

3. Chính phủ quy định tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; trình tự lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 117. Nguyên tắc đấu giá

1. Người có tài sản đấu giá quyết định việc tổ chức đấu giá tài sản thông qua Hội đồng đấu giá tài sản hoặc thuê tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện.

2. Cuộc đấu giá chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia.

3. Chỉ tiến hành đấu giá tại các khu vực đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 125 của Luật này phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

4. Các nguyên tắc khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

Điều 118. Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền đặt cọc

1. Giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xác định theo mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Bước giá được xác định tối thiểu là 1% và tối đa là 10% giá khởi điểm.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước bằng tiền đồng Việt Nam hoặc bằng bảo lãnh của ngân hàng.

4. Trường hợp trúng đấu giá, tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá được thay đổi hình thức đặt cọc bằng tiền mặt thành bảo lãnh ngân hàng hoặc ngược lại.

5. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá được nhận lại tiền đặt cọc trong các trường hợp sau:

a) Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đối với trường hợp đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản;

b) Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với trường hợp đấu giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản;

c) Các trường hợp không được cấp phép không phải do lỗi của tổ chức, cá nhân.

6. Tiền đặt cọc không được hoàn lại và được nộp vào ngân sách nhà nước đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Chính phủ quy định chi tiết phương pháp xác định, phê duyệt giá khởi điểm, bước giá và tiền đặt trước cho từng cuộc đấu giá.

Điều 119. Hồ sơ mời đấu giá, hồ sơ tham gia đấu giá

1. Hồ sơ mời đấu giá bao gồm:

a) Quy chế cuộc đấu giá;

b) Thông tin về quy hoạch khoáng sản; phương thức tham khảo thông tin, tài liệu có liên quan, hiện trạng về cơ sở hạ tầng của khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá;

c) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá của tổ chức, cá nhân;

d) Các biểu mẫu trong hồ sơ tham gia đấu giá.

2. Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

a) Văn bản đề nghị tham gia đấu giá;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Hồ sơ, tài liệu theo biểu mẫu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

d) Tài liệu chứng minh vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các biểu mẫu trong hồ sơ tham gia đấu giá.

4. Chính phủ quy định chi tiết điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 120. Điều kiện của tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Có hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật này;

b) Đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 119 Luật này;

2. Tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá khi đủ các điều kiện sau:

a) Được xét chọn đủ điều kiện tham gia đấu giá;

b) Đã nộp tiền đặt trước theo quy định.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 125 của Luật này tổ chức xét chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

Điều 121. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá và tổ chức, cá nhân trúng đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá có các quyền sau đây:

a) Tham khảo tài liệu địa chất, khoáng sản, lấy mẫu trên mặt trong diện tích khu vực đấu giá theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan;

b) Khảo sát thực địa khu vực đấu giá;

c) Các quyền khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản;

2. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện quy chế cuộc đấu giá;

b) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có các quyền sau đây:

a) Được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 125 của Luật này gửi quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá;

b) Được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá;

c) Được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành thủ tục đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp tiền trúng đấu giá và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp trúng đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Trường hợp trúng đấu giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản, trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan.

5. Phương pháp tính, phương thức thu, nộp tiền cấp quyền trúng đấu giá; quản lý sử dụng tiền cấp quyền trúng đấu giá thực hiện như đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp cấp giấy phép khai thác không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 122. Hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 63 và các điểm b, c khoản 4 Điều 121 của Luật này.

2. Trường hợp bị hủy kết quả đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

CHƯƠNG XI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 123. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Trách nhiệm của Chính phủ trong quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản:
 - a) Thống nhất quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản trong phạm vi cả nước;
 - b) Ban hành kịp thời, đầy đủ các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản, nghị định xử phạt vi phạm hành chính về khoáng sản;
 - c) Ban hành các nghị quyết đề quyết định các biện pháp quản lý, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước liên quan đến chỉ đạo, điều hành về các dự án điều tra địa chất, đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản;
 - d) Trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về đề xuất sửa đổi, bổ sung dự án Luật Địa chất và Khoáng sản hoặc kiến nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết liên quan đến vấn đề quản lý địa chất và khoáng sản.
2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước, gồm:

- a) Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về địa chất và khoáng sản; ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về địa chất và khoáng sản;
- b) Chủ trì xây dựng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về địa chất và khoáng sản;
- c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về địa chất và khoáng sản; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác điều tra địa chất và khoáng sản;
- d) Cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền;
- đ) Tổng hợp kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất; hoạt động khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản hàng năm; quản lý thông tin, dữ liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản;
- e) Xác định và công bố các khu vực có khoáng sản theo thẩm quyền;
- g) Tham gia các tổ chức quốc tế về địa chất và khoáng sản theo quy định của pháp luật;
- h) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản; giải quyết khiếu nại, tố cáo về địa chất và khoáng sản; xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại về địa chất và khoáng sản; xử lý vi phạm pháp luật về địa chất và khoáng sản theo quy định của pháp luật;
- i) Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyên

giao công nghệ trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổ chức thực hiện pháp luật về địa chất, khoáng sản, giám sát hoạt động về bảo vệ tài nguyên địa chất và khoáng sản;

l) Công bố, xuất bản các tài liệu, thông tin điều tra địa chất, khoáng sản;

m) Thường trực Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

Điều 124. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; quản lý hoạt động khoáng sản tại địa phương; ban hành quy chế phối hợp giữa các địa phương hoặc giữa các địa phương với các Bộ, ngành trong quản lý nhà nước về khoáng sản;

b) Phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất; điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền;

d) Giải quyết theo thẩm quyền việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật;

đ) Phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền;

e) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về địa chất và khoáng sản; xử lý vi phạm pháp luật về địa chất và khoáng sản theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có tài nguyên

địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

h) Huy động và sử dụng nguồn lực cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực địa chất và khoáng sản theo quy định của pháp luật;

k) Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về địa chất và khoáng sản; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về địa chất và khoáng sản;

l) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản ở trung ương về tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Giải quyết theo thẩm quyền cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn;

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản;

đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 125. Thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố; giấy phép khai thác tận thu khoáng sản trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 89 của Luật này.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nào thì có quyền cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, cho phép trả lại, chuyển nhượng, thu hồi loại giấy phép đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Chính phủ quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp mà trong quá trình thăm dò, khai thác phát hiện khoáng sản đi kèm có trữ lượng thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 126. Thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản

1. Cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản.

2. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về thanh tra.

CHƯƠNG XII

HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 127. Nguyên tắc hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản

1. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản phải đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ; chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm phù hợp với đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam.

2. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản phải bảo đảm nguyên tắc hợp tác bình đẳng, đôi bên cùng có lợi trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tranh chấp quốc tế về địa chất, khoáng sản được giải quyết thông qua các biện pháp hòa bình, theo thông lệ, pháp luật quốc tế và pháp luật của các bên liên quan.

Điều 128. Trách nhiệm trong hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản

1. Nhà nước khuyến khích việc chủ động hội nhập quốc tế về nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ trong lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, kiểm soát hoạt động khoáng sản và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong khai thác, chế biến khoáng sản.

2. Nhà nước khuyến khích đầu tư, hợp tác và hỗ trợ quốc tế cho công tác quản lý nhà nước, đào tạo nguồn nhân lực, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản, thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân chủ động thực hiện các yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản được quốc tế công nhận và áp dụng rộng rãi để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thương mại quốc tế.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối tổng hợp hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản.

5. Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hoạt động hợp tác quốc tế về điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản có trách nhiệm hằng năm đánh giá tình hình hoạt động hợp tác quốc tế của cơ quan mình, gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG XIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 129. Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản

1. Bãi bỏ Điều 8 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 44 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.

3. Sửa đổi, bổ sung tên quy hoạch ngành quốc gia có thứ tự 29 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 như sau: Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản.

Điều 130. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về địa chất, khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Giấy phép, quyết định, văn bản cho phép có thời hạn về hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã tham gia góp vốn đầu tư điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản đã được phê duyệt báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực được quy định như sau:

a) Trường hợp chưa cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, được thực hiện các quyền ưu tiên theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này. Khi hết quyền ưu tiên, việc hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, Điều 108 và Điều 109 của Luật này.

b) Trường hợp đã cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân khác, việc hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

4. Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực, được tiếp tục thực hiện. Trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản sau ngày Luật này có hiệu lực, chi phí điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã

đầu tư đối với phần trữ lượng gia tăng được xác định theo quy định của Luật này.

5. Đối với quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực sẽ tiếp tục thực hiện. Khi có thay đổi về trữ lượng khoáng sản trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của Luật này.

6. Đối với các khu vực khoáng sản đang thực hiện quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa niêm yết, thông báo công khai thì trình tự, thủ tục niêm yết, thông báo công khai và việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản được áp dụng theo quy định của Luật này.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 131. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025. Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 132. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI